

Bản án số: 39/2024/HS-PT
Ngày 06-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Lê Quân Vương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 02 và 06 tháng 03 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 275/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Trương Thị Hồng Ch và bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Trương Thị Hồng Ch, Nguyễn Văn Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Trương Thị Hồng Ch, sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Th (đã ly hôn, là bị cáo trong vụ án); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bắt tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến ngày 15/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, bị cáo tại ngoại cho đến nay, bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Võ Thị N1 (đã chết); bị cáo có vợ là Trương

Thị Hồng Ch (đã ly hôn, là bị cáo trong vụ án); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bắt tạm giam từ ngày 08/10/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Hồng Ch*: Ông Trịnh Đình Th1, ông Nguyễn Thành Tr là Luật sư Công ty TNHH Ng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, ông Th1 có mặt, ông Tr vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo, 01 bị hại, 04 người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Hồng Ch và Nguyễn Văn Th trước đó là vợ chồng, sau đó ly hôn nhưng vẫn chung sống với nhau như vợ chồng. Võ Thành Tr1 có mối quan hệ là bạn của Ch. Bà Vũ Thị Th2 và Ch, có mối quan hệ quen biết.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018, bà Th2 có vay của Ch số tiền 150.000.000 đồng (hai bên viết giấy tay) và thoả thuận lãi suất trả với nhau theo ngày. Đến khoảng cuối tháng 8/2018, bà Th2 vì lý do sức khỏe và kinh tế nên không tiếp tục trả tiền cho Ch. Sau nhiều lần tìm đến nhà của bà Th2 đòi nợ và điện thoại cho bà Th2 nhưng không liên lạc được. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 23/10/2018, Th điều khiển xe ô tô biển số 61A-446.xx chở Ch đến nhà của bà Th2 để đòi nợ. Khi đến nhà bà Th2 thì không có ai ở nhà, Ch điện thoại thì nghe tiếng điện thoại đổ chuông trong nhà và đồng thời thấy cửa nhà vẫn mở hé nên Ch và Th đi vào trong nhà bà Th2 nhưng vẫn không thấy ai, lúc này theo bà Th2 khai là đang đi đón cháu ngoại học ở Trường tiểu học Q thuộc thị trấn D. Ch tiếp tục gọi điện thoại cho bà Th2 nhưng không ai nghe máy. Lúc này, Ch nghĩ bà Th2 có tình trốn tránh việc trả nợ và thấy tại sân nhà của bà Th2 có một chiếc xe ô tô tải biển số 61C-291.xx, trên xe có chứa tài sản gồm: 100 kg quýt; 50 kg bưởi; 50 kg nhãn; 50 kg củ lang; 10 kg ổi; 400 kg bí đỏ; 01 cái cân; 01 cái loa; 01 cái dù; 05 kg bịch nylon và một số giấy tờ cá nhân của bà Th2 nên Ch nảy sinh ý định đem xe về nhà Ch để buộc bà Th2 phải đến nhà gặp Ch nói chuyện và trả nợ tiền cho Ch.

Ngay sau đó, Ch gọi điện thoại cho Nguyễn Anh T1 (T1 là con rể của bà Th2 và là người thường xuyên gặp Ch để nhận vay tiền và trả tiền vay giúp cho bà Th2) kêu T1 nhấn lại cho bà Th2 về việc Ch đến nhà lấy tiền nhưng không có bà Th2 ở nhà nên Ch đem chiếc xe tải biển số 61C-291.xx của bà Th2 về nhà Ch và yêu cầu bà Th2 đến nhà nói chuyện về việc trả nợ tiền cho Ch. Tuy nhiên, T1 quên

không nhấn lại cho bà Th2 biết. Tiếp đó, Ch gọi điện thoại di động cho Võ Thành Tr1, kêu Tr1 đến nhà bà Th2 (theo sự chỉ dẫn của Ch) để điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-291.xx của bà Th2 về nhà Ch dùm. Do quen biết Ch nên Tr1 nhận lời rồi chạy xe mô tô biển số 61H1-235.xx đến nhà bà Th2. Khi đến nhà bà Th2, Tr1 thấy Ch đang sử dụng điện thoại di động quay phim (ghi âm có hình) toàn cảnh nhà bà Th2 và nghe Ch nói là Ch đến nhà bà Th2 để giải quyết nợ tiền mà bà Th2 cố tình né tránh nên Ch sẽ lấy xe ô tô tải biển số 61C-291.xx của bà Th2 đem về nhà Ch để bà Th2 đến gặp Ch giải quyết số tiền bà Th2 nợ Ch nên Tr1 biết là Ch đến nhà bà Th2 để đòi nợ.

Sau khi Th lấy giấy tờ cá nhân của bà Th2 trên cabin xe ô tô tải biển số 61C-291.xx xuống thì Tr1 leo lên xe đề máy điều khiển xe ô tô tải 61C-291.xx chạy về để ở nhà Ch tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Còn Th điều khiển xe ô tô biển số 61A-446.xx; Ch điều khiển xe mô tô biển số 61H1-235.xx của Tr1 về nhà.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bà Th2 sau khi đón cháu đi học về phát hiện bị mất xe ô tô tải biển số 61C-291.xx nên đã trình báo Cơ quan Công an xã Định A giải quyết và Công an xã Định A báo cáo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D thụ lý điều tra, xác minh.

Trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đang điều tra xác minh thì đến khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 24/10/2018, Th và Ch đến Công an xã Định A trình báo việc đang chiếm giữ xe ô tô tải biển số 61C-291.xx cùng tài sản có trên xe là 100 kg quýt; 50 kg bưởi; 50 kg nhãn; 50 kg củ lang; 10 kg ổi; 400 kg bí đỏ; 01 cái cân; 01 cái loa; 01 cái dù; 05 kg bịch nylon và một số giấy tờ cá nhân của bà Th2 và giao nộp cho cơ quan công an theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, kết luận: Tổng giá trị tài sản là 235.292.500 đồng, trong đó trị giá xe ô tô tải biển số 61C-291.xx có trị giá 226.200.000 đồng; trị giá tài sản trên xe gồm: 100 kg quýt; 50 kg bưởi; 50 kg nhãn; 50 kg củ lang; 10 kg ổi; 400 kg bí đỏ; 01 cái cân; 01 cái loa; 01 cái dù; 05 kg bịch nylon có trị giá là 9.092.500 đồng.

Ngày 08/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ban hành văn bản yêu cầu định giá lại tài sản số 284/YC đối với xe ô tô tải, biển số 61C-291.xx theo yêu cầu định giá lại tài sản tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 02/2022/HSST-QĐ ngày 17/6/2022 của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện D. Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 15/02/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, kết luận: “01 xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki, trọng tải hàng hóa 490 kg, màu sơn: Bạc, số loại Carry, biển số

61C-291.xx, số máy G16AID290342, số khung N71TJJ400732, xe đã qua sử dụng, thời điểm bị thiệt hại là ngày 23/10/2018 có trị giá là 208.800.000 đồng (*Ghi chú: Kết luận định giá này thay thế một phần nội dung tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 08/11/2019, xe ô tô biển số 61C-291.xx số máy G16AID290342, số khung N71TJJ400732, có trị giá 226.200.000 đồng*). Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo Ch, Th và Tr1 có hành vi chiếm đoạt trong vụ án sau khi định giá lại là 217.892.500 đồng.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSDT ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Ch, Th và Tr1 về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 172 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương. Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Hồng Ch, Nguyễn Văn Th và Võ Thành Tr1 phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 172; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trương Thị Hồng Ch 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (ngày 27/9/2023).

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 172; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (ngày 08/10/2023).

Ngoài ra còn tuyên về hình phạt Võ Thành Tr1 03 năm tù; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, bị cáo Trương Thị Hồng Ch kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21 tháng 10 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin định giá lại chiếc xe tải trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về tội danh: Trong vụ án này, xuất phát từ việc bà Vũ Thị Th2 có vay của bị cáo Trương Thị Hồng Ch số tiền 150.000.000 đồng, hết thời hạn trả nợ mà bà Th2 không trả, bị cáo Ch nhiều lần tìm đến nhà của bà Th2 đòi nợ và điện thoại cho bà Th2 nhưng không liên lạc được. Do đó, vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 23/10/2018, tại nhà bà Th2 địa chỉ ấp An Ph, xã Định A, huyện D, tỉnh Bình Dương, khi chưa được sự đồng ý của bà Th2 nhưng bị cáo Ch cùng các bị cáo

Nguyễn Văn Th và Võ Thành Tr1 đã có hành vi điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki, biển số 61C-291.xx; trên xe có: 100 kg quýt, 50 kg bưởi, 50 kg nhãn, 50 kg củ lang, 10 kg ổi, 400 kg bí đỏ, 01 cái cân, 01 cái loa, 01 cái dù và 05 kg bịch nylon của bà Th2 đem về nhà của bị cáo Ch tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương cất giữ. Tổng trị giá tài sản gồm xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki, biển số 61C-291.xx và các tài sản trên xe có tổng trị giá tài sản là 217.892.500 đồng.

Như vậy, bị cáo Ch nhận thức rõ mình không có quyền sử dụng đối với chiếc xe ô tô tải biển số 61C-291.xx của bà Th2 và bị cáo cũng không được bà Th2 cho phép sử dụng nhưng vẫn cố tình cùng bị cáo Th và Tr1 điều khiển xe ô tô tải của bà Th2 đem về nhà bị cáo Ch nhằm để yêu cầu bà Th2 đến nhà nói chuyện về việc trả nợ tiền cho bị cáo Ch. Như vậy, tại thời điểm này hành vi chiếm đoạt của các bị cáo đã hoàn thành, hành vi đó được thực hiện lén lút với chủ sở hữu chiếc xe ô tô, tội danh “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là chưa phù hợp, bởi lẽ: Thời điểm các bị cáo chiếm đoạt xe ô tô của bị hại thì bị hại không có ở nhà; bản thân các bị cáo cũng không lợi dụng sự vắng mặt hoặc hoàn cảnh khách quan dẫn đến việc bị hại Th2 không bảo vệ được tài sản của mình để công khai chiếm đoạt nên hành vi của các bị cáo không thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” mà hành vi chiếm đoạt của các bị cáo có dấu hiệu phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 172 của Bộ luật Hình sự là không phù hợp với hành vi khách quan và ý thức chủ quan của các bị cáo.

Mặc dù, cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nhưng do khoản 3 Điều 173 và khoản 3 Điều 172 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt bằng nhau nên không cần hủy án để xét xử lại mà chỉ cần sửa tội danh tại cấp phúc thẩm.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo Ch, Th, nhận thấy: Bản chất vụ án xuất phát từ hành vi không trả nợ của bị hại, bị hại liên tục tránh mặt bị cáo Ch dẫn đến sự bức tức và Ch, Th giữ xe ô tô của bị hại chỉ với suy nghĩ đơn giản là buộc bị hại phải trực tiếp nói chuyện nợ với các bị cáo. Hơn nữa, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 440.000.000 đồng (hơn cả số nợ mà bị hại nợ bị cáo); bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th, Ch, hạ khung hình phạt, giảm mức phạt tù cho 02 bị cáo nhưng không cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo

Trương Thị Hồng Ch và Nguyễn Văn Th, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 17/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo hướng tuyên bố các bị cáo Trương Thị Hồng Ch, Nguyễn Văn Th và Võ Thành Tr1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trương Thị Hồng Ch từ 05 năm đến 06 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn Th từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù;

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Hồng Ch trình bày lời bào chữa:*

Người bào chữa thống nhất về quan điểm xem xét lại tội danh của các bị cáo cũng như đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Kết luận định giá cũng như định giá lại tài sản chiếm đoạt trong vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan. Mặc dù đại diện Viện kiểm sát đã có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khi tiến hành trưng cầu định giá đã chưa cung cấp đầy đủ các thông tin để việc định giá dẫn đến kết quả định giá đã không đúng với giá trị thực tế của tài sản, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc chấp nhận yêu cầu định giá lại tài sản của các bị cáo để đảm bảo hình phạt của các bị cáo tương xứng với tính chất mức độ phạm tội.

Bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 23/10/2018, tại nhà bị hại Th2 địa chỉ ấp An Ph, xã Định A, huyện D, tỉnh Bình Dương, khi chưa được sự đồng ý của bị hại Th2 (bị hại Th2 xác định mình không có ở nhà, các bị cáo xác định bị hại Th2 có ở nhà nhưng cố tình trốn tránh không dám ra gặp mặt do có nợ tiền) mà các bị cáo Ch, Th và Tr1 đã có hành vi điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki, biển số 61C-291.xx; trên xe có: 100 kg quýt, 50 kg bưởi, 50 kg nhãn, 50 kg củ lang, 10 kg ổi, 400 kg bí đỏ, 01 cái cân, 01 cái loa, 01 cái dù và 05 kg bịch nylon của bị hại Th2 đem về nhà của bị cáo Ch tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương cất giữ. Hôm sau, ngày 24/10/2018, sau khi không thấy bị hại Th2 ra gặp mặt thì hai bị cáo Ch, Th đã trình báo và giao nộp xe lại cho cơ quan Công an xã Định A. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt (gồm xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki, biển số 61C-291.xx và các tài sản trên xe) là 217.892.500 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 08/11/2019 và Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 15/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Ch, Th và Tr1 thực hiện hành vi một cách công khai, không giấu diếm hành vi phạm tội của mình trước, trong và ngay sau khi lấy được tài sản (gọi điện thoại cho ông T1 (con rể bị hại) thông báo về việc lấy tài sản, quay clip), các bị cáo không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc bất cứ một thủ đoạn nào nhằm uy hiếp tinh thần của người quản lý tài sản. Do vậy, hành vi của các bị cáo Ch, Th và Tr1 đã thỏa mãn dấu hiệu về hành vi khách quan của tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Ch, Th và Tr1 về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 172 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù các bị cáo Ch, Th đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Th2, tuy nhiên, sau khi thực hiện tội phạm, 01 ngày sau các bị cáo đã tự nguyện mang tài sản chiếm đoạt giao nộp cho cơ quan công an, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả với tổng số tiền 440.000.000 đồng (nhiều hơn so với tài sản bị chiếm đoạt); các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Với nguyên nhân, mục đích và động cơ phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là nghiêm khắc. Do vậy, có căn cứ xem xét kháng cáo của các bị cáo. Các bị cáo có nhiều tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối với yêu cầu định giá lại tài sản chiếm đoạt của các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án về tội danh của các bị cáo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, quan điểm về giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Hồng Ch, Nguyễn Văn Th, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương như sau:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Hồng Ch, Nguyễn Văn Th phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 172; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trương Thị Hồng Ch 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến ngày 15/12/2023.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 172; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2023.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trương Thị Hồng Ch, Nguyễn Văn Th không phải nộp.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D (02);
- Viện kiểm sát nhân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện D (01);
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, NTS, 20.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sang